

ĐỘ KHẢN

PHIẾU TRÌNH BỘ

Nhận h / ngày

BT. Đinh Tiến Dũng

TT. Trần Xuân Hà

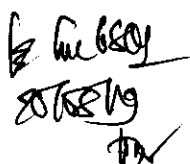
TT. Đỗ Hoàng Anh Tuấn

TT. Trần Văn Hiếu

16/8 TT. Vũ Thị Mai



TT. Huỳnh Quang Hải



* ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ, TỔNG HỢP CHUNG ĐỀ TRÌNH BỘ: TCHQ Thời hạn trình

* Đơn vị lưu bản chính TCHQ

* Đơn vị nhận bản scan Văn PC, Cục TCDIV

Hà Nội, ngày 15 tháng 8 năm 2019

KT. CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG



* Ngày Bộ trả tài liệu (Sao trình tiếp) 19/8

* Phải theo dõi

Đỗ Văn Trường



BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 05/2019

TỔNG CỤC HẢI QUAN
 TT.BKHCN
ĐẾN CA: 43378
 Ngày: 20-08-2019
 Chuyển: ..
 Lưu hồ sơ số: **THÔNG TƯ**

Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2019

BỘ TÀI CHÍNH
 NGÀY ĐẾN: 15-08-2019
 SỐ QUẢN: 74165

Quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa (sau đây viết là Nghị định số 43/2017/NĐ-CP), cụ thể như sau:

1. Khoản 5 Điều 3; Điều 4; khoản 2, khoản 4 Điều 7; khoản 1, 3, 6 Điều 12; khoản 3 Điều 14; khoản 1 Điều 16; khoản 5 Điều 17;
2. Khoản 5, 15 Phụ lục I; điểm 2 khoản 1, điểm 3 khoản 2 Phụ lục II; khoản 1 Phụ lục III; điểm 1 khoản 1 Phụ lục IV;

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa tại Việt Nam; tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hóa; cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Chương II

NỘI DUNG VÀ CÁCH GHI NHÃN HÀNG HÓA

Điều 3. Phân biệt bao bì chứa đựng hàng hóa không phải bao bì thương phẩm với bao bì thương phẩm (khoản 5 Điều 3 Nghị định số 43/2017/NĐ-CP)

1. Các loại bao bì sau đây không gọi là bao bì thương phẩm:

a) Bao bì được sử dụng với mục đích để lưu giữ, vận chuyển, bảo quản hàng hóa đã có nhãn hàng hoá;

b) Túi đựng hàng hóa khi mua hàng;

c) Bao bì dùng để đựng hàng hóa dạng rời, hàng hoá bán lẻ.

2. Các loại bao bì sau đây phải có hồ sơ, tài liệu kèm theo thể hiện đầy đủ các nội dung bắt buộc bằng tiếng Việt theo quy định tại Nghị định số 43/2017/NĐ-CP và các văn bản pháp luật khác có liên quan để thay thế cho nhãn hàng hoá: thùng đựng hàng (container), hầm tàu chứa hàng, xi téc vận chuyển hàng hóa dạng rời, dạng lỏng, dạng khí không có bao bì.

Ví dụ: hàng hóa là thủy sản: thùng đựng hàng (container), (bao gồm cả trường hợp hàng hóa bên trong là nguyên liệu thủy sản có một hoặc nhiều loại dạng rời, hoặc đóng khối (block) trần đồng nhất hoặc không đồng nhất), hầm tàu chứa hàng hóa dạng rời chỉ có một loại hoặc lẫn lộn nhiều loại, xi téc vận chuyển hàng hóa dạng rời, dạng lỏng không có bao bì;

Trường hợp này hàng hóa không cần dán nhãn/ghi nhãn hàng hóa nhưng phải có hồ sơ, tài liệu kèm theo thể hiện đầy đủ các nội dung bắt buộc bằng tiếng Việt theo quy định tại Nghị định số 43/2017/NĐ-CP và các quy định pháp luật liên quan;

Trường hợp hồ sơ tài liệu kèm theo bằng ngôn ngữ khác tiếng Việt thì doanh nghiệp nhập khẩu có bản dịch ra tiếng Việt kèm theo.

Điều 4. Vị trí nhãn hàng hóa (Điều 4 Nghị định số 43/2017/NĐ-CP)

1. Những nội dung bắt buộc phải ghi trên nhãn hàng hoá không cần thể hiện tập trung trên nhãn, có thể ghi trên vị trí khác của hàng hoá, bảo đảm khi quan sát có thể nhận biết được dễ dàng, đầy đủ mà không phải tháo rời các chi tiết, các phần của hàng hóa. Những nội dung bắt buộc đó là một phần của nhãn hàng hóa.

Ví dụ 1: số khung của xe máy được dập trên khung xe hay số Vin của ô tô được khắc trực tiếp trên thân xe tuy không được thể hiện cùng vị trí với các nội dung bắt buộc khác nhưng ở vị trí có thể nhận biết được dễ dàng, không phải tháo rời các chi tiết, nội dung này là một phần của nhãn hàng hóa.

Ví dụ 2: ngày sản xuất, hạn sử dụng hoặc định lượng của hàng hóa được in sẵn trên đáy hoặc thân chai, không cùng vị trí với các nội dung khác trên bản in nhãn gắn trên chai nhưng vẫn dễ dàng nhận biết được, nội dung này là một phần của nhãn hàng hóa.

2. Hàng hóa có cả bao bì trực tiếp và bao bì ngoài

a) Hàng hóa trên thị trường có cả bao bì ngoài, không bán riêng lẻ các đơn vị hàng hóa nhỏ có bao bì trực tiếp bên trong thì phải ghi nhãn trên bao bì ngoài.

b) Hàng hóa trên thị trường có cả bao bì ngoài và đồng thời tách ra bán lẻ các đơn vị hàng hóa nhỏ có bao bì trực tiếp bên trong thì phải ghi nhãn đầy đủ cho cả bao bì ngoài và bao bì trực tiếp.

Vi dụ: Hộp cà phê gồm nhiều gói cà phê nhỏ bên trong:

- Trường hợp bán cả hộp cà phê không bán lẻ các gói cà phê nhỏ thì ghi nhãn đầy đủ cho cả hộp;

- Trường hợp bán cả hộp cà phê và đồng thời tách ra bán lẻ những gói cà phê nhỏ bên trong thì phải ghi nhãn đầy đủ cho cả hộp cà phê và các gói cà phê nhỏ bên trong;

- Trường hợp thùng carton đựng các hộp cà phê đã có nhãn đầy đủ bên trong, có thể mở ra để xem các hộp cà phê trong thùng carton thì không phải ghi nhãn trên thùng carton đó.

3. Trường hợp bao bì ngoài trong suốt có thể quan sát được nội dung ghi nhãn sản phẩm bên trong thì không bắt buộc ghi nhãn cho bao bì ngoài.

Điều 5. Ngôn ngữ trình bày trên nhãn hàng hóa (khoản 2, khoản 4 Điều 7 Nghị định số 43/2017/NĐ-CP)

1. Ngôn ngữ trình bày trên nhãn hàng hóa không phải dịch tất cả nội dung bằng tiếng Việt ra ngôn ngữ khác. Nếu dịch ra ngôn ngữ khác thì nội dung ngôn ngữ khác phải bảo đảm cho người đọc hiểu tương ứng với nội dung tiếng Việt.

2. Những nội dung không phải nội dung bắt buộc mà thể hiện bằng ngôn ngữ khác không được làm hiểu sai lệch bản chất, công dụng của hàng hóa và không được làm hiểu sai nội dung khác của nhãn hàng hoá.

3. Tên quốc tế của nước hoặc vùng lãnh thổ không thể phiên âm được ra tiếng Việt hoặc phiên âm được ra tiếng Việt nhưng không có nghĩa thì được phép sử dụng tên quốc tế đó.

Vi dụ: tên nước: Indonesia, Singapore phiên âm ra tiếng Việt không có nghĩa, được phép sử dụng nguyên tên Indonesia, Singapore, hoặc dùng tên phiên âm In-đô-nê-xi-a, Xinh-ga-po. Trong khi Russia hay Germany thì phải dịch thành Nga, Đức.

Điều 6. Ghi tên và địa chỉ tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa (khoản 1, khoản 3, khoản 6 Điều 12 Nghị định số 43/2017/NĐ-CP)

1. Tên riêng của tổ chức, cá nhân và địa danh ghi trên nhãn hàng hóa không được viết tắt, từ chỉ đơn vị hành chính có thể viết tắt.

Vi dụ: “xã” là X; “phường” là P; “huyện” là H; “quận” là Q; “thành phố” là TP; “tỉnh” là T.

2. Hàng hóa nhập khẩu để lưu thông tại Việt Nam ghi tên và địa chỉ của tổ

chức, cá nhân sản xuất và ghi tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân nhập khẩu.

Hàng hóa được sản xuất tại nhiều cơ sở sản xuất khác nhau, có cùng thương hiệu thì ghi tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân là chủ sở hữu thương hiệu đó hoặc tên và địa chỉ tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa ở Việt Nam trên nhãn hàng hóa nếu được chủ sở hữu thương hiệu đó cho phép, nhưng phải bảo đảm truy xuất được cơ sở sản xuất ra hàng hóa khi cần thiết và/hoặc khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền quản lý và ghi rõ xuất xứ hàng hóa trên nhãn hàng hoá.

3. Hàng hóa chỉ thực hiện việc san chia, sang chiết để đóng gói, đóng chai khi được tổ chức, cá nhân sản xuất ra hàng hóa cho phép và phải bảo đảm chất lượng như công bố của nhà sản xuất trên nhãn gốc.

Ví dụ: cho phép san chia, sang chiết để đóng gói, đóng chai theo hợp đồng.

Hàng hóa được san chia, sang chiết để đóng gói, đóng chai trên nhãn hàng hóa phải ghi tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân đóng gói, đóng chai và ghi tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân sản xuất ra hàng hóa trước khi đóng gói, đóng chai.

4. Hàng hoá được lắp ráp hoàn chỉnh từ nhiều bộ phận, linh kiện mà các bộ phận, linh kiện này được nhập khẩu và/hoặc sản xuất tại nhiều cơ sở sản xuất khác nhau trong nước thì trên nhãn hàng hoá ghi rõ tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về hàng hoá lắp ráp hoàn chỉnh, địa chỉ lắp ráp và ghi rõ xuất xứ hàng hoá theo quy định của pháp luật về xác định xuất xứ hàng hoá.

Điều 7. Ghi ngày sản xuất, hạn sử dụng trên nhãn hàng hoá (khoản 3 Điều 14 Nghị định số 43/2017/NĐ-CP)

Hàng hóa san chia, sang chiết, nạp, đóng gói lại bắt buộc phải ghi ngày sản xuất và hạn sử dụng theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 43/2017/NĐ-CP. Cụ thể phải thể hiện đầy đủ 03 nội dung sau:

- a) Ngày sản xuất;
- b) Ngày san chia, sang chiết, nạp, đóng gói không được viết tắt;
- c) Hạn sử dụng.

Điều 8. Ghi thành phần trên nhãn hàng hoá (khoản 1 Điều 16 Nghị định số 43/2017/NĐ-CP)

1. Trường hợp tên của thành phần được ghi trên nhãn hàng hóa để gây sự chú ý đối với hàng hóa thì thành phần đó bắt buộc phải ghi định lượng, việc ghi định lượng không bắt buộc phải ghi kèm theo vị trí của thành phần mà có thể ghi trong các mục khác của nhãn.

2. Trường hợp trên nhãn hàng hóa có nhãn mạnh sự không có mặt, không chứa hoặc không bổ sung một hoặc một số thành phần thì:

- Thành phần đó không tồn tại trong hàng hóa và trong các nguyên liệu dùng để sản xuất ra hàng hóa;

- Hàng hóa không chứa các thành phần cùng nhóm có tính chất hoặc công dụng tương tự với thành phần đó, trừ khi bản chất của sự thay thế được ghi chú rõ ràng.

Ví dụ 1: hàng hoá được ghi nhãn “Không đường” nếu:

- Thành phần của hàng hoá và của nguyên liệu dùng để sản xuất ra hàng hoá không tồn tại đường;

- Hàm lượng đường trong hàng hoá đáp ứng quy định “Không đường” của Tiêu chuẩn Codex: nhỏ hơn hoặc bằng 0,5g/100g (chất rắn) hoặc 0,5g/100ml (chất lỏng);

Ví dụ 2: sản phẩm dinh dưỡng dành cho trẻ dị ứng với đạm sữa bò, không chứa đạm sữa bò nhưng chứa đạm đậu nành có thể ghi “Không chứa đạm sữa bò” nhưng phải ghi chú rõ ràng là “Chứa đạm đậu nành”.

3. Điều ước quốc tế, Tiêu chuẩn quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định về mức không có mặt của một thành phần, thì áp dụng quy định của Điều ước quốc tế, Tiêu chuẩn quốc tế đó.

Điều 9. Ghi thông số kỹ thuật, thông tin cảnh báo trên nhãn hàng hoá (khoản 5 Điều 17 Nghị định số 43/2017/NĐ-CP)

Tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa ghi giá trị dinh dưỡng trên nhãn hàng hoá phải bảo đảm phù hợp với tiêu chuẩn công bố áp dụng và tuân thủ quy định của pháp luật có liên quan.

Nếu ghi một giá trị dinh dưỡng cụ thể thì ghi giá trị trung bình của khoảng giá trị dinh dưỡng. Giá trị trung bình để công bố dinh dưỡng là giá trị khối lượng trung bình của các giá trị đặc trưng thu được từ phép phân tích các mẫu sản phẩm đại diện cho sản phẩm cần ghi nhãn.

Điều 10. Ghi nhãn thực phẩm biến đổi gen trên nhãn hàng hoá (khoản 5 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 43/2017/NĐ-CP)

Điểm e khoản 5 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 43/2017/NĐ-CP áp dụng trong trường hợp thực phẩm có chứa sinh vật biến đổi gen, sản phẩm của sinh vật biến đổi gen có ít nhất một thành phần nguyên liệu biến đổi gen lớn hơn năm phần trăm (5%) tổng nguyên liệu được sử dụng để sản xuất thực phẩm.

Điều 11. Ghi nhãn hóa chất gia dụng (khoản 15 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 43/2017/NĐ-CP)

Điểm e khoản 15 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 43/2017/NĐ-CP áp dụng đối với những hàng hóa là hóa chất gia dụng phải thực hiện thủ tục đăng ký lưu hành theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Điều 12. Ghi định lượng hàng hóa trên nhãn hàng hoá (điểm 2 khoản 1 và điểm 3 khoản 2 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 43/2017/NĐ-CP)

1. Đơn vị đo thể tích ghi trên nhãn hàng hóa là: lít (l), mililit (ml); microlit (μ l).

Ví dụ: chai nước có thể tích là 1000 ml thì ghi định lượng hàng hóa như sau: 1000 ml, 1 L hoặc l.

2. Ghi định lượng hàng hóa đối với hàng hóa dạng lỏng có thể ghi một trong 02 cách: “thể tích thực” hoặc ghi “thể tích thực ở 20°C”.

Điều 13. Ghi ngày sản xuất, hạn sử dụng trên nhãn hàng hoá (khoản 1 Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị định số 43/2017/NĐ-CP)

Hàng hóa nhập khẩu mà thông tin ngày sản xuất và hạn sử dụng trên nhãn gốc được ghi bằng ký tự chữ thì doanh nghiệp có thể chú thích các ký tự chữ này trên nhãn phụ sản phẩm mà không cần phải ghi lại “NSX” và “HSD” theo ký tự số.

Ví dụ: MFG 20 Jan 2020, EXP 20 Feb 2022, trên nhãn ghi như sau: NSX, HSD xem “MFG”, “EXP” trên bao bì. Jan=01, Feb = 02... Dec = 12.

Điều 14. Ghi thành phần, thành phần định lượng của hàng hóa trên nhãn hàng hoá (điểm 1 khoản 1 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 43/2017/NĐ-CP)

Mục 1 khoản 1 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 43/2017/NĐ-CP không áp dụng trong trường hợp nước được sử dụng làm dung môi để mạ băng, bảo quản sản phẩm, được bỏ đi sau khi sử dụng sản phẩm.

Chương III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021.

Khuyến khích tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp áp dụng quy định của Thông tư này trước ngày có hiệu lực thi hành.

2. Thông tư số 09/2007/TT-BKHHCN ngày 06 tháng 4 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 89/2006/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về nhãn hàng hóa và Thông tư số 14/2007/TT-BKHHCN ngày 25 tháng 7 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc bổ sung Thông tư số 09/2007/TT-BKHHCN ngày 06 tháng 4 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 89/2006/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về nhãn hàng hoá hết hiệu lực kể từ ngày thông tư này có hiệu lực thi hành.

Điều 16. Trách nhiệm thi hành

1. Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tổ chức triển khai, hướng dẫn thực hiện Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân và doanh nghiệp kịp thời phản ánh bằng văn bản về Bộ Khoa học

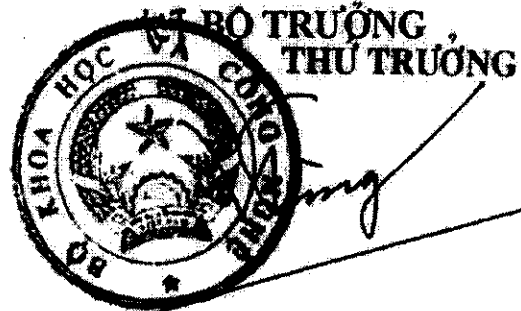
và Công nghệ để được hướng dẫn hoặc nghiên cứu sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp liên quan có trách nhiệm thi hành Thông tư này /./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng CP;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở KH&CN các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Lưu: VT, PC, TĐC.

Handwritten initials/signature



Trần Văn Cường